

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **700/2024/HC-PT**
Ngày 10 tháng 7 năm 2024
V/v Khiếu kiện quyết định hành
chính về quản lý Nhà nước trong
lĩnh vực đất đai thuộc trường hợp
bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt
bằng, tái định cư.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Ngọc Huynh

Các Thẩm phán: Ông Phan Tô Ngọc

Bà Hồ Thị Thanh Thúy

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Hồng Vân - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại
Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh
tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Phụng - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố
Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án hành chính phúc thẩm thụ lý số
349/2022/TLPT-HC ngày 07/8/2022 về việc: “*Khiếu kiện quyết định hành chính
về quản lý Nhà nước trong lĩnh vực đất đai thuộc trường hợp bồi thường, hỗ trợ
giải phóng mặt bằng, tái định cư*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số: 519/2022/HC-ST ngày 27 tháng 4 năm
2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 941/2024/QĐ-PT ngày 20
tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà Trần Thị A, sinh năm 1957 (có mặt)

Địa chỉ thường trú: Khu phố X, Phường AP, TP TĐ, TP HCM.

Địa chỉ liên lạc: Khu phố Y, Phường AP, TP TĐ, TP HCM.

Đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Trần Tấn V, sinh năm 1979 (có
mặt).

Địa chỉ liên lạc: Khu phố Y, Phường AP, TP TĐ, TP HCM.

2. Người bị kiện:

2.1 Ủy ban nhân dân Thành phố TPĐ (trước là Ủy ban nhân dân Quận Z).

2.2 Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố TPĐ (trước là Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận Z)

Địa chỉ: Phường Thạnh Mỹ L, thành phố TPĐ, TP HCM.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Ông Hoàng T - Chủ tịch (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

- Ông Trần Tuấn K - Phó trưởng Ban Bồi thường Giải phóng mặt bằng TP TPĐ (vắng mặt).

- Ông Phạm Hoàng Anh T1 - Phó trưởng Phòng Tiếp dân - Ban Bồi thường Giải phóng mặt bằng TP TPĐ (Có mặt).

- Bà Nguyễn Lưu Phương T2 – Chuyên viên Phòng Nghiệp vụ 1 - Ban Bồi thường Giải phóng mặt bằng TP TPĐ (Có mặt)

Cùng địa chỉ: Phường Thạnh Mỹ L, TP TPĐ, TP HCM.

- **Người kháng cáo:** Người khởi kiện là bà Trần Thị A.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện và người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Bà Trần Thị A là chủ sở hữu quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất số BE 478339 số vào sổ cấp GCN: CH02140 do Ủy ban nhân dân Quận Z cấp ngày 06/9/2011.

Ngày 01/6/2020, Ủy ban nhân dân Quận Z ban hành Quyết định 1630/QĐ-UBND-TNMT: Thu hồi phần đất diện tích 2.676,3m², thuộc một phần thửa số 15, 16, 17, 25, 34 tờ bản đồ số 13 và một phần thửa số 5, 6 tờ bản đồ số 14 (theo Tài liệu Bản đồ địa chính năm 2003), phường AP, Quận Z của bà Trần Thị A; để thực hiện dự án đầu tư xây dựng bãi hậu cần kỹ thuật và bến cuối tuyến BRT số 1 thuộc dự án phát triển giao thông xanh Thành phố tại phường AP và phường BK, Quận Z.

Ngày 01/6/2019, Ủy ban nhân dân Quận Z ban hành Quyết định số 1648/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với bà Trần Thị A với tổng số tiền 15.210.695.268 đồng.

Bà Trần Thị A không đồng ý với việc bồi thường trên và khiếu nại Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận Z.

Ngày 25/9/2020, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận Z ban hành Quyết định số 3127/QĐ-UBND-TTr về giải quyết đơn khiếu nại bà Trần Thị A: Giữ nguyên nội dung Quyết định số 1648/QĐ-UBND ngày 01/6/2019 của Ủy ban nhân dân Quận Z. Bác nội dung khiếu nại của bà Trần Thị A.

Bà Trần Thị A yêu cầu hủy Quyết định số 1648/QĐ-UBND ngày 01/6/2019 của Ủy ban nhân dân Quận Z và Quyết định số 3127/QĐ-UBND-TTr ngày 25/9/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận Z.

Lý do: Giá bồi thường là 5.618.000m² là quá thấp so với giá trị thực tế hiện nay trong khu vực. Bà Trần Thị A phải được bồi thường phần đất diện tích 200m² theo đơn giá đất ở sử dụng từ trước năm 1980. Phần diện tích còn lại 2.476,3m² bồi thường theo đơn giá 20.000.000 đồng/m².

Người bị kiện có Văn bản số 7756/UBND-BBT ngày 16/12/2021 ý kiến như sau:

Về đất thu hồi: Ngày 12/4/2016 và ngày 03/8/2016, Ủy ban nhân dân phường AP có Giấy xác nhận hồ sơ pháp lý nhà, đất số 21/UBND-XN và Công văn số 477/UBND đối với hồ sơ bà Trần Thị A như sau: Phần diện tích giải tỏa 2.319,0m² (theo Bản đồ hiện trạng vị trí nêu trên) có nguồn gốc đã được Ủy ban nhân dân quận Z cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất số BE 478339 ngày 06/9/2011 cho bà Trần Thị A. Phần diện tích giải tỏa còn lại 357,3m² (theo Bản đồ hiện trạng vị trí nêu trên, chưa được cấp Giấy chứng nhận): có nguồn gốc do gia đình bà Trần Thị A sử dụng ổn định, không lấn chiếm từ trước ngày 15/10/1993 đến nay (theo tài liệu Sổ mục kê có thể hiện).

Nguồn gốc, quá trình sử dụng nhà: Phần vật kiến trúc thuộc một phần ô số 2 với diện tích 8,95m² (chòi) (theo Tài liệu đo năm 2003 có thể hiện), ô số 9, 11 và ranh bao được xây dựng trước ngày 01/7/2004, mục đích để giữ vườn, làm ruộng. Phần vật kiến trúc còn lại thuộc ô số 1, 1', 3, 4, 5, 5', 6, 6', 6'', 6''', 7, 8, 10, 10' và một phần ô số 2 diện tích 54,85m² được xây dựng sau ngày 01/7/2006".

Ngày 01/6/2020, Ủy ban nhân dân quận Z ban hành Quyết định số 1648/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với ông (bà) Trần Thị A (Phương án chiết tính số 05/AP) với tổng số tiền 15.210.695.268 đồng.

Ngày 22/7/2020, Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng Quận Z gửi toàn bộ số tiền bồi thường, hỗ trợ đối với ông (bà) Trần Thị A 15.210.695.268 đồng vào tài khoản tạm giữ tại Kho bạc Nhà nước Quận Z theo quy định.

Ngày 25/9/2020, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận Z ban hành Quyết định số 3127/QĐ-UBND-TTr về giải quyết đơn khiếu nại của bà Trần Thị A, với nội dung: "Giữ nguyên nội dung Quyết định số 1648/QĐ-UBND ngày 01/6/2020 của Ủy ban nhân dân Quận Z.

Về yêu cầu bồi thường diện tích 200m² theo đơn giá đất ở: Khu đất và quá trình thực hiện bồi thường qua 02 dự án: Dự án đầu tư xây dựng Đại lộ Đông – Tây và Dự án đầu tư xây dựng bãi hậu cần kỹ thuật và bến cuối tuyến BRT số 1.

Nguồn gốc do gia đình ông Trần Văn N (cha bà Trần Thị A) sử dụng từ trước ngày 15/10/1993. Ngày 14/01/2000, Ủy ban nhân dân Quận Z cấp Giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất số Q 357426, cấp cho ông Trần Văn N sử dụng diện tích đất 11.463m² thuộc các thửa 1995: 122m², 1996: 262m², 1997: 11.079m², tờ bản đồ số 2 (xã AP, huyện TĐ cũ), loại đất: Lúa (Riêng thửa 1939, 1940 nằm ở vị trí khác, không liên quan đến 2 dự án nêu trên).

Thực hiện dự án đầu tư xây dựng Đại lộ Đông – Tây TP HCM, ông Trần Văn N bị thu hồi một phần diện tích 9.286,93m².

Ngày 24/9/2004, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận Z ban hành Quyết định số 6198/QĐ-UBND đền bù, hỗ trợ đối với ông Trần Văn N. Đã bồi thường, hỗ trợ đủ hạn mức đất ở 200m² và đã bố trí tái định cư 02 nền đất tại Khu 17,3ha, phường AP.

Diện tích 2347,29m² thuộc một phần thửa đất 1997 còn lại nằm ngoài ranh dự án Đại lộ Đông – Tây: Ông Trần Văn N tặng cho bà Trần Thị A. Ủy ban nhân dân Quận Z cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số BE 478339 ngày 06/9/2011 cho bà Trần Thị A (thay thế Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q 357426 do Ủy ban nhân dân Quận Z cấp ngày 14/01/2000).

Theo hướng dẫn tại Công văn số 2934/TNMT-ĐKKTD ngày 20/5/2010 của Sở Tài nguyên và Môi trường và Điều 11 Luật Đất đai 2013: Phần diện tích còn lại nằm trong dự án đầu tư xây dựng bãi hậu cần kỹ thuật và bến cuối tuyến BRT số 1 không đủ điều kiện công nhận đất ở, chỉ được bồi thường, hỗ trợ theo quy định đối với đất nông nghiệp: Không có cơ sở chấp thuận yêu cầu của bà Trần Thị A về bồi thường diện tích 200m² theo đơn giá đất ở sử dụng từ trước năm 1980.

Về yêu cầu bồi thường phần diện tích 2.476,3m² theo đơn giá 20.000.000 đồng/m²: Căn cứ theo Điểm 1.1, Khoản 1; Điểm 2.1, Khoản 2 và Điểm 4.1, Khoản 4, Mục I, Phần B Chính sách (phương án) số 155/CSBT-HĐBT ngày 01/6/2020.

Căn cứ khoản 2 Điều 74, Luật Đất đai 2013: Bà Trần Thị A yêu cầu bồi thường 2.476,3m² đất nông nghiệp theo đơn giá 20.000.000 đồng/m² là không có cơ sở xem xét.

Từ những cơ sở trên, Ủy ban nhân dân quận Z và Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận Z (nay là TP TĐ) ban hành Quyết định số 1648/QĐ-UBND ngày 01/6/2019 về bồi thường, hỗ trợ cho bà Trần Thị A và Quyết định số 3127/QĐ-UBND-TTTr ngày 25/9/2020 về giải quyết đơn khiếu nại của bà Trần Thị A là đúng theo chính sách và phù hợp theo quy định của pháp luật. Đề nghị giữ nguyên các Quyết định trên.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 519/2022/HC-ST ngày 27 tháng 4 năm 2022, Tòa án nhân dân TP HCM quyết định:

- Căn cứ Điều 32, Điều 60, Điều 116, Khoản 1 Điều 157, Điều 158, Điều 193, Điều 206 Luật Tổ tụng hành chính 2015;

- Căn cứ Khoản 1 Điều 11, Khoản 2 Điều 66 và Khoản 2 Điều 74 Luật Đất đai năm 2013;

- Căn cứ Khoản 1 Điều 18 Luật Khiếu nại năm 2011;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị A về yêu cầu hủy Quyết định số 1648/QĐ-UBND ngày 01/6/2019 của Ủy ban nhân dân Quận Z (nay là Ủy ban nhân dân TP TPĐ) và Quyết định số 3127/QĐ-UBND-TTr ngày 25/9/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận Z (nay là Chủ tịch Ủy ban nhân dân TP TPĐ).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 05/5/2022, người khởi kiện là bà Trần Thị A kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà Trần Thị A và người đại diện theo ủy quyền là ông Trần Tấn V trình bày: Đề nghị xem xét về giá lại cho tôi về việc tôi tôn tạo cải tạo đất đai đồng thời xem xét tái định cư cho tôi do tôi đã ở lâu dài và được cấp sổ nhà cụ thể. Việc Ủy ban nhân dân TP TPĐ cho rằng đã bồi thường trên tổng thể diện tích thu hồi thì bà A không đồng ý vì đối với dự án nào bị thu hồi phần nào thì trả phần bị thu theo dự án đó, không thể cho rằng dự án trước đã bồi thường rồi thì dự án này không tiếp tục bồi thường hỗ trợ tái định cư như vậy là không hợp lý bởi trên đất có nhà và bà A đang sinh sống từ lâu đời.

Người bảo vệ của người bị kiện trình bày: Đất của bà A được đền bù từ nhiều dự án, đối với dự án Đại Lộ Đông – Tây đã đền bù cho bà A phần 200m² đất thổ cư, đồng thời cũng đã hỗ trợ tái định cư 02 nền đất cho bà Trần Thị A. Đối với dự án này thu hồi đất của bà A thì toàn bộ là đất nông nghiệp, Ủy ban nhân dân TP TPĐ đã căn cứ theo giá đất của Ủy ban Thành phố ban hành, nên không đồng ý với yêu cầu của bà A.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh:

Về tố tụng, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính về phiên tòa phúc thẩm. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Về nội dung, qua xem xét các tài liệu, chứng cứ và tại phiên tòa hôm nay, bà Trần Thị A kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ gì mới để

chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của bà tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đánh giá toàn diện khách quan hồ sơ vụ án, xem xét đúng quy định đồng thời tại phiên tòa bà thừa nhận đã nhận đủ toàn bộ số tiền bồi thường nên đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Thủ tục kháng cáo đương sự đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

[1.2] Về thời hiệu khởi kiện: Tòa án cấp sơ thẩm xác định bà Trần Thị A khởi kiện quyết định hành chính còn trong thời hiệu khởi kiện là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Trần Thị A và đại diện theo ủy quyền của bà A xác định thống nhất về diện tích đất thu hồi và bồi thường, vị trí đất, số lượng công trình và vật kiến trúc được bồi thường. Bà A chỉ không đồng ý với đơn giá áp dụng để bồi thường vì quá thấp và yêu cầu phải được bồi thường đối với diện tích 200m² theo đơn giá đất ở vì bà A đã sử dụng khu đất bị thu hồi từ trước năm 1980.

[2.2] Hội đồng xét xử xét thấy: Theo Bản đồ hiện trạng vị trí do Công ty Trách nhiệm hữu hạn Dịch vụ - Thương mại Đo đạc TP lập ngày 10/01/2016, được Ủy ban nhân dân phường AP kiểm tra nội nghiệp ngày 12/4/2016; Giấy xác nhận hồ sơ pháp lý nhà, đất số 21/UBND-XN ngày 02/4/2016 và Công văn số 477/UBND ngày 03/8/2016 của Ủy ban nhân dân phường AP; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất số BE 478339 ngày 06/9/2011 thì phần đất bà A bị thu hồi thu hồi có diện tích 2.676,3m², gồm 2.319,0m² thuộc một phần thửa số thửa 1037, tờ bản đồ số 6 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất số BE 478339 ngày 06/9/2011, phần diện tích còn lại 357,3 m² chưa được cấp giấy chứng nhận.

Nguồn gốc khu đất này do ông Trần Văn N (cha bà Trần Thị A) sử dụng từ trước ngày 15/10/1993. Ngày 14/01/2000, ông N được Ủy ban nhân dân Quận Z cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q 357426 đối với diện tích đất 11.463m² thuộc các thửa 1995: 122m², 1996: 262m², 1997: 11.079m², tờ bản đồ số 2 (xã AP, huyện TĐ cũ), loại đất: Lúa. Khi thực hiện dự án đầu tư xây dựng Đại lộ Đông – Tây TP HCM, ông Trần Văn N đã bị Nhà nước thu hồi một phần bằng 9.286,93m². Ngày 24/9/2004, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận Z ban hành Quyết định số 6198/QĐ-UBND đền bù, hỗ trợ đối với ông Trần Văn N, theo đó đã bồi thường, hỗ trợ đủ hạn mức đất ở 200m² và đã bố trí tái định cư 02 nền đất nhà ở tại Khu 17,3ha, phường AP, Quận Z cho gia đình ông N, hiện nay bà A đang trực tiếp

sử dụng, cư ngụ tại một trong 2 nền tái định cư này. Diện tích đất còn lại 2.347,29m², thuộc một phần thửa đất 1997 nằm ngoài ranh dự án Đại lộ Đông – Tây, ông Trần Văn N tặng cho bà Trần Thị A và ngày 06/9/2011, bà A được Ủy ban nhân dân Quận Z cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số BE 478339 đối với diện tích được tặng cho nêu trên. Do đó, theo Điều 11 Luật Đất đai 2013 cũng như nội dung Công văn số 2934/TNMT-ĐKKTD ngày 20/5/2010 của Sở Tài nguyên và Môi trường TP HCM, phần diện tích còn lại nằm trong dự án đầu tư xây dựng bãi hậu cần kỹ thuật và bến cuối tuyến BRT số 1 không đủ điều kiện công nhận đất ở, mà chỉ được bồi thường, hỗ trợ theo quy định đối với đất nông nghiệp. Việc bà A yêu cầu bồi thường diện tích 200m² theo đơn giá đất ở với lý do sử dụng từ trước năm 1980 là không có cơ sở chấp nhận.

Về giá bồi thường: Tại khoản 2 Điều 74 Luật Đất đai năm 2013 quy định nguyên tắc bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất: *“Việc bồi thường được thực hiện bằng việc giao đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi, nếu không có đất để bồi thường thì được bồi thường bằng tiền theo giá đất cụ thể của loại đất thu hồi do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định tại thời điểm quyết định thu hồi đất”*.

Xét thấy, giá đất quy định tại Phương án số 155/CSBT-HĐBT ngày 01/6/2020 của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án đầu tư xây dựng bãi hậu cần kỹ thuật và bến cuối tuyến BRT số 1 trên địa bàn Quận Z thuộc dự án phát triển giao thông xanh TP HCM được áp dụng để bồi thường, hỗ trợ cho bà A đã được Ủy ban nhân dân Quận Z phê duyệt tại Quyết định số 1615/QĐ-UBND ngày 01/6/2020 trên cơ sở giá đất cụ thể do Ủy ban nhân dân TP HCM ban hành tại thời điểm quyết định thu hồi đất (Quyết định số 02/2020/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2020). Việc áp giá đất nêu trên để bồi thường cho bà A là đúng quy định của pháp luật.

Như vậy, việc bồi thường, hỗ trợ cho bà A theo Quyết định số 1648/QĐ-UBND ngày 01/6/2019 của Ủy ban nhân dân Quận Z được thực hiện đúng theo quy định pháp luật. Do đó, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận Z ban hành Quyết định số 3127/QĐ-UBND-TTr ngày 25/9/2020 bác khiếu nại của bà A đối với Quyết định số 1648/QĐ-UBND là có căn cứ.

[2.3] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bác yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị A là có cơ sở. Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ nào mới nên Hội đồng xét xử bác kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm như quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Chi phí tố tụng phúc thẩm: Bà Trần Thị A phải chịu và đã nộp xong.

[4] Án phí hành chính phúc thẩm: Bà Trần Thị A là người cao tuổi nên được miễn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính;

Căn cứ khoản 1 Điều 11, khoản 2 Điều 66 và khoản 2 Điều 74 Luật Đất đai năm 2013; khoản 1 Điều 18 Luật Khiếu nại năm 2011; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng Án phí và Lệ phí Tòa án.

1. Bác kháng cáo của người khởi kiện bà Trần Thị A. Giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm.

2. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị A về yêu cầu hủy Quyết định số 1648/QĐ-UBND ngày 01/6/2019 của Ủy ban nhân dân Quận Z (nay là Ủy ban nhân dân TP TPĐ) và Quyết định số 3127/QĐ-UBND-TTr ngày 25/9/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận Z (nay là Chủ tịch Ủy ban nhân dân TP TPĐ).

3. Chi phí tố tụng phúc thẩm: Bà Trần Thị A phải chịu và đã nộp xong.

4. Về án phí: Bà Trần Thị A được miễn án phí hành chính sơ thẩm và án phí hành chính phúc thẩm.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSND cấp cao tại TP. HCM (1);
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh (1);
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh (1);
- Cục THADS Thành phố Hồ Chí Minh (1);
- Các đương sự (3);
- Lưu HSVA (1), VP (5), 14b (ĐHV);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Ngọc Huynh